

Số: 364 /TB-SKHCN

Hưng Yên, ngày 07 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc kêu gọi đề xuất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên thực hiện từ năm 2026 và từ năm 2027

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Căn cứ Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên; Căn cứ Quyết định số 24/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên thông báo kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo (ĐMST) theo hình thức tài trợ thực hiện từ năm 2026 và 2027 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên thông qua việc nộp hồ sơ đề xuất theo quy định.

Tiếp nhận hồ sơ đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo phù hợp với định hướng ưu tiên của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và có khả năng triển khai, ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả.

Lựa chọn các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí theo quy định để xem xét hỗ trợ theo hình thức tài trợ từ ngân sách nhà nước, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo tham gia đề xuất, triển khai nhiệm vụ đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

2. Yêu cầu

Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được lập đầy đủ, đúng thành phần hồ sơ, biểu mẫu theo quy định và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn quy định tại Thông báo này.

Nội dung đề xuất phải phù hợp với định hướng ưu tiên tài trợ; gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực hoặc yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định rõ mục tiêu, nội dung, kết quả dự kiến, khả năng triển khai, ứng dụng hoặc thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh.

Nhiệm vụ đề xuất phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời không trùng lặp nội dung đã được hỗ trợ hoặc đang được đề nghị hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước khác đối với cùng một nội dung chi.

Việc tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp và xử lý hồ sơ được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình làm rõ, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

II. ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN TÀI TRỢ

1. Định hướng chung

Việc đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương và của tỉnh Hưng Yên; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức.

Các nhiệm vụ đề xuất ưu tiên tập trung vào hoạt động nghiên cứu, phát triển, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ; đổi mới công nghệ, đổi mới quy trình, sản phẩm, dịch vụ, mô hình quản trị hoặc mô hình kinh doanh; có khả năng ứng dụng, nhân rộng hoặc thương mại hóa kết quả, tạo tác động thiết thực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Định hướng ưu tiên

Căn cứ các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương và tỉnh Hưng Yên, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên ưu tiên tiếp nhận hồ sơ đề xuất thuộc các nhóm nhiệm vụ và lĩnh vực quy định tại **Phụ lục I** ban hành kèm theo Thông báo này.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Phạm vi nhiệm vụ được xem xét tài trợ

Các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được xem xét tài trợ theo Thông báo này bao gồm: Nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; và nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Nhiệm vụ đăng ký phải thuộc các lĩnh vực ưu tiên quy định tại Mục II của Thông báo này; có địa chỉ ứng dụng hoặc đối tượng thụ hưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; kết quả thực hiện phục vụ trực tiếp hoặc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường hoặc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Nhiệm vụ được tiếp nhận theo Thông báo này sẽ được xem xét, lựa chọn đề tài trợ trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan; việc lựa chọn nhiệm vụ bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, dự toán ngân sách nhà nước được giao và định hướng ưu tiên của tỉnh; ưu tiên các nhiệm vụ có tính đổi mới, khả năng ứng dụng, thương mại hóa, nhân rộng kết quả và tạo tác động thiết thực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đối tượng đăng ký thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP được đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Thông báo này.

IV. HỒ SƠ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC TIẾP NHẬN HỒ SƠ

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, gồm:

(1) Đơn đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu số I.1 Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

(2) Thuyết minh nhiệm vụ tương ứng theo Mẫu số I.2, I.3, I.4 và I.5 Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

(3) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề xuất: Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc các tài liệu tương đương khác.

(4) Văn bản cam kết của tổ chức đề xuất về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Mẫu số I.6 Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

(5) Hồ sơ dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ở giai đoạn quyết định đầu tư áp dụng đối với nhiệm vụ đổi mới công nghệ.

(6) Các tài liệu khác (nếu có) nhằm làm rõ tính pháp lý, tính khả thi, năng lực thực hiện, khả năng ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (ví dụ: Văn bản chứng minh quyền sử dụng tài sản trí tuệ; văn bản thỏa thuận hợp tác giữa các tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ; văn bản của đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng kết quả; tài liệu chứng minh nguồn gốc công nghệ; tài liệu khác có liên quan, ...).

2. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được tiếp nhận theo 02 đợt:

Đợt 1: Tiếp nhận hồ sơ thực hiện từ năm 2026, từ ngày 15/8/2026 đến hết ngày 15/9/2026.

Đợt 2: Tiếp nhận hồ sơ thực hiện từ năm 2027, từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 30/9/2026.

Hồ sơ gửi sau thời hạn quy định của từng đợt sẽ không được xem xét trong đợt tiếp nhận tương ứng.

3. Phương thức tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>);

4. Xác định thời điểm nhận hồ sơ

Thời điểm nhận hồ sơ là thời điểm hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia ghi nhận việc nộp hồ sơ.

5. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Kết quả kiểm tra được thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử.

Hồ sơ không hợp lệ hoặc không phù hợp với định hướng ưu tiên, điều kiện và phạm vi quy định tại Thông báo này thì không tiếp tục được xem xét theo quy định.

Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công bố và phổ biến Thông báo

Thông báo này được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên và được phổ biến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin của cơ quan, đơn vị có liên quan để các tổ chức, doanh nghiệp biết, nghiên cứu và đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên trân trọng đề nghị các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hưng Yên; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan quan tâm phối hợp tuyên truyền, phổ biến nội dung Thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đối tượng có liên quan thuộc phạm vi quản lý để biết, nghiên cứu và đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định.

2. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký

Các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ căn cứ nội dung Thông báo này và các quy định của pháp luật có liên quan để chuẩn bị, hoàn thiện và gửi hồ sơ theo đúng thời gian, địa điểm và phương thức đã được công bố.

Tổ chức, doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu đăng ký và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã cung cấp.

3. Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc

Trong quá trình thực hiện Thông báo này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần được hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi ý kiến về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên để được hướng dẫn theo thẩm quyền; đối với những nội dung vượt thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên trân trọng Thông báo./. *Amh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hưng Yên;
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở KH&CN;
- Lưu: VT, CNĐMST^{Hường}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỖ SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Thời gian ký: 07/08/2026 08:58:13



Nguyễn Xuân Hải

Phụ lục I



DANH MỤC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ LĨNH VỰC ƯU TIÊN TIẾP NHẬN ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

*(Kèm theo Thông báo số 364/TB-SKHCN ngày .07 tháng 8 năm 2026 của
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên)*

I. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN

1. Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;
- Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026-2030.

2. Văn bản của tỉnh Hưng Yên

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I;
- Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030;
- Các chương trình, đề án, kế hoạch và văn bản chỉ đạo khác của Trung ương và của tỉnh Hưng Yên còn hiệu lực có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. NHÓM NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

1. Nhóm nhiệm vụ đổi mới công nghệ

Ưu tiên các nhiệm vụ đổi mới công nghệ thông qua tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc cải tiến đáng kể so với hiện có, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của tổ chức, doanh nghiệp; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững của tỉnh. Ưu tiên các nhiệm vụ tập trung vào một hoặc nhiều nội dung sau:

(1) Đổi mới, nâng cấp công nghệ, thiết bị và quy trình sản xuất

Ưu tiên các nhiệm vụ đổi mới, nâng cấp hoặc thay thế công nghệ, thiết bị, dây chuyền sản xuất và quy trình quản trị bằng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao hoặc công nghệ số; ứng dụng tự động hóa, robot, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ phù hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Khuyến khích các nhiệm vụ triển khai tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và làng nghề trên địa bàn tỉnh, gắn với yêu cầu chuyển đổi số và hiện đại hóa sản xuất.

(2) Tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ

Ưu tiên các nhiệm vụ tiếp nhận, thích nghi, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược và công nghệ số phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh; góp phần nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, từng bước làm chủ công nghệ, nội địa hóa công nghệ và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Khuyến khích các nhiệm vụ thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ trong hoạt động tiếp nhận, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

(3) Đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển bền vững

Ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ tiên tiến trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc; phát triển sản xuất sạch hơn; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

(4) Đổi mới công nghệ trong quản trị và cung cấp dịch vụ

Ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các nền tảng công nghệ nhằm đổi mới phương thức quản trị, quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ; giải quyết các vấn đề thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Nhóm nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng

Ưu tiên các nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng nhằm nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp và các sản phẩm chủ lực của tỉnh; thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ, phát triển thương hiệu, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Ưu tiên các nhiệm vụ tập trung vào một hoặc nhiều nội dung sau:

(1) Phát triển, quản trị và khai thác tài sản trí tuệ

Ưu tiên các nhiệm vụ tạo lập, bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu, kết quả đổi mới sáng tạo, sản phẩm, công nghệ và các tài sản trí tuệ khác theo quy định của pháp luật.

Khuyến khích các nhiệm vụ xây dựng, phát triển và khai thác hiệu quả nhãn hiệu, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và lợi thế của tỉnh Hưng Yên.

Khuyến khích các nhiệm vụ nâng cao năng lực quản trị tài sản trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại hóa sản phẩm.

(2) Nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh

Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp.

Khuyến khích các nhiệm vụ xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; thực hành sản xuất tốt; phát triển sản xuất thông minh, sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn và các mô hình nâng cao năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện của tỉnh.

(3) Đổi mới quản trị, quy trình sản xuất và dịch vụ

Ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ số, công nghệ tiên tiến và các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm đổi mới quy trình quản trị, quy trình sản xuất, cung ứng dịch vụ; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và năng lực thích ứng của tổ chức, doanh nghiệp.

Khuyến khích các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới mô hình quản trị, hoàn thiện quy trình sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

(4) Phát triển nguồn lực phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và sở hữu trí tuệ

Ưu tiên các nhiệm vụ phát triển năng lực của tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng; thúc đẩy hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

3. Nhóm nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Ưu tiên các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy hình thành, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Ưu tiên các nhiệm vụ tập trung vào một hoặc nhiều nội dung sau:

(1) Phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Ưu tiên các nhiệm vụ hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; phát triển các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các mô hình hỗ trợ đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

Khuyến khích các nhiệm vụ thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, chuyên gia và các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

(2) Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp

Ưu tiên các nhiệm vụ phát triển năng lực quản trị đổi mới sáng tạo, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài sản trí tuệ, phát triển công nghệ, hoàn thiện mô hình kinh doanh và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, kết quả đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, huy động nguồn lực, phát triển sản phẩm và mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(3) Phát triển thị trường khoa học, công nghệ và thương mại hóa kết quả đổi mới sáng tạo

Ưu tiên các nhiệm vụ thúc đẩy kết nối cung - cầu công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện, giới thiệu và thương mại hóa sản phẩm, công nghệ, giải pháp đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích các nhiệm vụ ứng dụng nền tảng số để kết nối các chủ thể của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế.

(4) Huy động nguồn lực và phát triển môi trường hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với chuyên gia, nhà đầu tư, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển cơ sở dữ liệu, nền tảng kết nối và các công cụ hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

III. LĨNH VỰC ƯU TIÊN

1. Công nghệ số và chuyển đổi số

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghệ số và chuyển đổi số nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh và chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong quản trị doanh nghiệp, quản lý chuỗi cung ứng, logistics, thương mại điện tử, nông nghiệp, công nghiệp, đô thị thông minh và cải cách hành chính.

2. Công nghiệp công nghệ cao và sản xuất thông minh

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo và sản xuất thông minh nhằm nâng cao trình độ công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ cao, đổi mới công nghệ trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp chủ lực và thúc đẩy hình thành các chuỗi sản xuất hiện đại.

3. Nông nghiệp công nghệ cao và chế biến nông sản

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, công nghệ sau thu hoạch và chế biến nông sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu tập trung; nâng cao chất lượng giống, bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu; phát triển chuỗi giá trị nông sản, sản phẩm OCOP và các sản phẩm có lợi thế của tỉnh.

4. Phát triển quyền sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phát triển quyền sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu nhằm nâng cao giá trị, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu, kết quả đổi mới sáng tạo, sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến và các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng.

5. Công nghệ môi trường, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi xanh

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ phát triển bền vững.

Khuyến khích các nhiệm vụ phát triển công nghệ xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng tài nguyên; ứng dụng năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

6. Y tế, giáo dục và đổi mới sáng tạo xã hội

Ưu tiên các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, lao động, an sinh xã hội và các lĩnh vực dịch vụ công có nhu cầu đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống của người dân.

Khuyến khích các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ công.

7. Các lĩnh vực khác

Ngoài các lĩnh vực nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên khuyến khích các đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thuộc các lĩnh vực khác phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy định của pháp luật.

Ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc cải tiến đáng kể so với hiện có; có khả năng thương mại hóa, nhân rộng kết quả, giải quyết các vấn đề thực tiễn và tạo tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phụ lục II

**DANH MỤC BIỂU MẪU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

(Kèm theo Thông báo số 364 /TB-SKHCHN ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên mẫu
Mẫu số I.1	Đơn đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo
Mẫu số I.2	Thuyết minh nhiệm vụ đổi mới công nghệ
Mẫu số I.3	Thuyết minh nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, gồm: - Mẫu số I.3A: Áp dụng cho nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức - Mẫu số I.3B: Áp dụng cho nội dung đào tạo, truyền thông, hợp tác quốc tế
Mẫu số I.4	Thuyết minh nhiệm vụ nâng cao năng suất, chất lượng - Mẫu số I.4A: Áp dụng cho nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp - Mẫu số I.4B: Áp dụng cho nhiệm vụ năng suất, chất lượng khác
Mẫu số I.5	Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số I.6	Văn bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: (Tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ).

Chúng tôi là:

- Tên doanh nghiệp, tổ chức:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email: Website:
- Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: ngày cấp ngày cấp
- Mã số thuế:
- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chúng tôi đề nghị được tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo từ nguồn ngân sách nhà nước như sau:

1. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ:
- Loại nhiệm vụ: *(chọn 01 trong các loại nhiệm vụ sau)*
 - ☐ Nhiệm vụ đổi mới công nghệ
 - ☐ Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng
 - ☐ Nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
- Nhiệm vụ thuộc dự án đầu tư (nếu có):
- Quyết định phê duyệt đầu tư số: ngày tháng năm
- Quy mô dự án đầu tư:
- Thời gian thực hiện nhiệm vụ:
- Địa điểm thực hiện nhiệm vụ:
- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng (bằng chữ...)

Trong đó:

- + Kinh phí đề nghị tài trợ từ ngân sách nhà nước: đồng (bằng chữ...)
- + Nguồn kinh phí khác (nếu có): đồng (bằng chữ...)

Tỷ lệ kinh phí đề nghị tài trợ trên tổng kinh phí thực hiện: ...%

2. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo bao gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;
- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề xuất;

- Văn bản cam kết của tổ chức đề xuất về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;

- Cam kết không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ.

Kính đề nghị (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) xem xét phê duyệt tài trợ.

Trân trọng cảm ơn.

..., ngày ... tháng ... năm...
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

1. Tên doanh nghiệp, tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa điểm thực hiện nhiệm vụ:
5. Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
7. Tên và số tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án đầu tư:
2. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư lần gần nhất
3. Thời gian thực hiện:
4. Địa chỉ thực hiện dự án đầu tư:
5. Tổng mức kinh phí: đồng
6. Mô tả công nghệ, quy trình công nghệ của dự án đầu tư
7. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ, thị trường của dự án đầu tư

III. THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Thời gian thực hiện: tháng
3. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng
- 3.1. Nguồn ngân sách nhà nước: đồng
- 3.2. Nguồn vốn đối ứng: đồng
4. Mục tiêu nhiệm vụ:

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÀI TRỢ

STT	Các nội dung (hạng mục) đề xuất tài trợ	Kết quả đầu ra	Thời gian thực hiện (số tháng)	Kinh phí	Ghi chú
1	Nội dung (hạng mục) 1				
2,..	Nội dung (hạng mục) 2,3...				

V. GIẢI TRÌNH NỘI DUNG (HẠNG MỤC) ĐỀ XUẤT TÀI TRỢ

1. Sự phù hợp về đối tượng, tiêu chí, điều kiện được tài trợ (quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 và Điều 9 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều

của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.....)

2. Nhu cầu về các nội dung đề xuất tài trợ, kết quả đầu ra, thời gian, kinh phí và các hồ sơ thanh toán

3. Phương án tài chính để thực hiện nhiệm vụ

4. Năng lực thực hiện dự án

VI. HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG, KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG

1. Hiệu quả về sản xuất kinh doanh

2. Hiệu quả về kinh tế

3. Hiệu quả về môi trường, xã hội

4. Tác động của kết quả nhiệm vụ đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng

5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, lan tỏa của nhiệm vụ.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ

(Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ đổi mới công nghệ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung đề nghị tài trợ	Tổng kinh phí	Nguồn vốn							
			Từ NSNN				Ngoài NSNN			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ...
1	Nội dung (hạng mục) 1									
2	Nội dung (hạng mục) 2									
...										
	Tổng cộng									

() Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...*

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
(Áp dụng cho nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức)**

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ/ DOANH NGHIỆP THỤ HƯỞNG¹

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
(Kèm theo số, ngày của văn bản thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp chủ trì; mã số thuế).
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện theo pháp luật:; email và số điện thoại liên hệ:
4. Số tài khoản ngân hàng:
5. Năng lực triển khai nhiệm vụ/tiếp nhận và vận hành giải pháp được hỗ trợ:
 - 5.1. Chuyên môn và kinh nghiệm của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp hoặc doanh nghiệp thụ hưởng (nếu có):
 - 5.2. Chuyên môn và kinh nghiệm của cá nhân thực hiện nhiệm vụ:
(Cụ thể họ và tên cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ kèm trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai).

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Căn cứ pháp lý đề xuất:
(Cụ thể một trong các căn cứ sau: Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019, Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020; Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn;....).
3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng):
4. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng, trong đó:
 - 4.1. Kinh phí ngân sách nhà nước: đồng;
 - 4.2. Kinh phí đối ứng: đồng.

Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu cụ thể:
2. Nội dung và khối lượng công việc:
Nội dung và khối lượng công việc của nhiệm vụ được xây dựng dựa trên các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp chính như sau:
 - a) Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:
.....

(Cụ thể đối tượng quyền sở hữu trí tuệ đăng ký bảo hộ; cụ thể số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; phạm vi áp dụng tại từng doanh nghiệp; phân bố vùng miền và lĩnh vực hoạt động để làm căn cứ xác định kinh phí thực hiện;....).

b) Hỗ trợ chi phí quản lý, khai thác, định giá và phát triển tài sản trí tuệ:

(Cụ thể số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; nội dung hỗ trợ).

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tập huấn đào tạo về sở hữu trí tuệ

.....

d) Hỗ trợ doanh nghiệp chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

.....

đ) Hỗ trợ khác cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ:

(Cụ thể số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; nội dung hỗ trợ).

3. Sản phẩm của nhiệm vụ

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu phải đạt của sản phẩm ²	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

IV. LUẬN GIẢI VỀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI

1. Luận giải về nhu cầu:

1.1. Nhu cầu xuất phát từ chỉ đạo, định hướng của Nhà nước, ...

1.2. Nhu cầu xuất phát từ thực tiễn (trong nước, ngoài nước, doanh nghiệp,...):

.....

2. Luận giải về tính khả thi:

3. Luận giải về phương án triển khai nhiệm vụ (Mô tả đầy đủ, cụ thể phương án triển khai, có sơ đồ và quy trình triển khai thực hiện nhiệm vụ):

.....

4. Luận giải về phương án tài chính, tài sản (cụ thể dự kiến sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đối ứng, tài sản hiện có, tài sản đi thuê, đi mượn,... để thực hiện):

.....

5. Luận giải về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của tổ chức chủ trì/doanh nghiệp thụ hưởng, cá nhân thực hiện nhiệm vụ:

.....

V. LUẬN GIẢI VỀ HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG DUY TRÌ, NHÂN RỘNG SAU KHI NHIỆM VỤ KẾT THÚC

1. Về hiệu quả áp dụng:
2. Về khả năng duy trì và nhân rộng:

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Xác định là **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** nếu là tổ chức có năng lực để tìm kiếm nhu cầu và hỗ trợ cho nhiều doanh nghiệp trong một (01) nhiệm vụ; xác định là **Doanh nghiệp, tổ chức thụ hưởng** nếu hỗ trợ trực tiếp cho bản thân doanh nghiệp, tổ chức đó.

² Nếu là hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý thì yêu cầu sản phẩm là Giấy chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã được công nhận; nếu là hỗ trợ áp dụng công cụ cải tiến năng suất thì cần cụ thể chỉ tiêu hiệu quả áp dụng về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động hoặc tăng doanh thu trong phạm vi cụ thể;...

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Đính kèm Thuyết minh Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ - áp dụng cho nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
2	Nội dung công việc 2:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
	...						
	Tổng cộng:						

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
(Áp dụng cho nội dung đào tạo, truyền thông, hợp tác quốc tế)**

I. LÝ DO, MỤC ĐÍCH

1. Bối cảnh, lý do:
2. Mục đích, dự kiến kết quả:
3. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

1. Thời gian, địa điểm:
2. Địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có):
3. Hình thức và công nghệ tổ chức (nếu là hội nghị, hội thảo trực tuyến)
4. Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía Việt Nam, cơ quan phía nước ngoài, cơ quan, tổ chức, cá nhân tài trợ (nếu có)
5. Dự kiến đối tượng tác động:
 - 5.1. Về tổ chức hội thảo, đào tạo, tập huấn:
Thành phần và số lượng tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài.
 - 5.2. Về truyền thông:
Dự kiến đối tượng tác động của truyền thông.
 - 5.3. Về hợp tác quốc tế: cụ thể đối tượng, phạm vi thực hiện.
6. Thông tin về báo cáo viên/diễn giả/giảng viên người nước ngoài: về lý lịch trích ngang và trình độ chuyên môn

III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:

V. NGUỒN KINH PHÍ

Dự toán chi tiết theo phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

..., ngày ... tháng ... năm...
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Đính kèm Thuyết minh Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ - áp dụng cho nội dung đào tạo, truyền thông, hợp tác quốc tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
2	Nội dung công việc 2:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	...						
	Tổng cộng:						

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG
(Áp dụng cho nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ/DOANH NGHIỆP THỤ HƯỞNG¹

1. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ/tên doanh nghiệp nhận hỗ trợ:

.....

(Kèm theo số, ngày của văn bản thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì/doanh nghiệp; mã số thuế).

2. Địa chỉ:

3. Người đại diện theo pháp luật:; email và số điện thoại liên hệ:

.....

4. Số tài khoản ngân hàng:

5. Năng lực triển khai nhiệm vụ/tiếp nhận và vận hành, duy trì giải pháp được hỗ trợ:

5.1. Chuyên môn và năng lực, kinh nghiệm triển khai của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp (nếu có); hoặc năng lực tiếp nhận và vận hành, duy trì giải pháp của doanh nghiệp được hỗ trợ: ...

5.2. Chuyên môn và kinh nghiệm của cá nhân thực hiện nhiệm vụ *(cụ thể họ và tên cá nhân tham gia chính, bao gồm cả thuê chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ)*:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:

2. Căn cứ pháp lý đề xuất:

(Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và văn bản hướng dẫn; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản hướng dẫn; Luật Đo lường và văn bản hướng dẫn; Quyết định số 1322/QĐ-TTg; Quyết định số 36/QĐ-TTg; Quyết định số 996/QĐ-TTg;....).

3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng):

4. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng, trong đó:

4.1. Kinh phí ngân sách nhà nước: đồng;

4.2. Kinh phí đối ứng: đồng.

Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu của nhiệm vụ:

a) Mục tiêu chung:

b) Mục tiêu cụ thể:

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ (*luận giải sự cần thiết, tính cấp bách phù hợp với yêu cầu quản lý (nếu có) và/hoặc nhu cầu thực tiễn của ngành/lĩnh vực/địa phương/doanh nghiệp; nêu rõ những vấn đề cần giải quyết; luận giải việc đặt ra các mục tiêu và nội dung của nhiệm vụ; khẳng định ý nghĩa của nhiệm vụ đối với nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh*):

.....

3. Nội dung công việc:

Nội dung 1:

Nội dung 2:

Nội dung...:

Hướng dẫn: Nội dung của nhiệm vụ cần được xây dựng căn cứ theo các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp tại quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật về đo lường. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng: cụ thể tên tiêu chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất; số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; phạm vi áp dụng tại từng doanh nghiệp; phân bổ vùng miền và lĩnh vực hoạt động để làm căn cứ xác định kinh phí thực hiện;....;

- Hỗ trợ chi phí thử nghiệm đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật: cụ thể số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; phạm vi hỗ trợ; nội dung hỗ trợ;

- Hỗ trợ khác cho doanh nghiệp: cụ thể số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ; phạm vi và nội dung hỗ trợ;...

4. Sản phẩm của nhiệm vụ:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu cần đạt của sản phẩm ²	Ghi chú
1				
2				
...				

IV. LUẬN GIẢI VỀ TÍNH KHẢ THI, PHƯƠNG PHÁP VÀ NĂNG LỰC TRIỂN KHAI

1. Tính khả thi:

2. Phương pháp triển khai nhiệm vụ (*Mô tả đầy đủ, cụ thể các bước triển khai, kèm theo sơ đồ và quy trình triển khai thực hiện nhiệm vụ*):

.....

3. Phương án tài chính, tài sản (*cụ thể dự kiến sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đối ứng, tài sản hiện có, tài sản đi thuê, đi mượn,... để thực hiện*):

.....

4. Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của tổ chức chủ trì/năng lực tiếp nhận và vận hành, duy trì giải pháp của doanh nghiệp được hỗ trợ; năng lực và kinh nghiệm của cá nhân thực hiện nhiệm vụ:

.....

V. LUẬN GIẢI VỀ KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG VÀ TÍNH BỀN VỮNG

1. Hiệu quả kinh tế:
2. Tác động đến môi trường, xã hội (nếu có):
3. Khả năng ứng dụng:
4. Cam kết về khả năng duy trì và nhân rộng:

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

¹ Xác định là **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** nếu là tổ chức có năng lực để tìm kiếm nhu cầu và hỗ trợ cho nhiều doanh nghiệp trong một (01) nhiệm vụ; xác định là **Doanh nghiệp nhận hỗ trợ** nếu hỗ trợ trực tiếp cho chính doanh nghiệp đó.

² Nếu nội hàm chuyên môn là hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng thì yêu cầu của kết quả là được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận độc lập, hợp pháp; nếu là hỗ trợ áp dụng công cụ cải tiến năng suất thì cần cụ thể theo một số chỉ tiêu hiệu quả áp dụng như: tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, cải thiện năng lực quản lý, tăng chất lượng sản phẩm hoặc tăng doanh thu,...; nếu là hỗ trợ chi phí thử nghiệm, chứng nhận đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực thì cần yêu cầu tổ chức thử nghiệm phải được chứng nhận/công nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế, tổ chức chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy phải được cơ quan nhà nước chỉ định;...

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Thuyết minh Nhiệm vụ nâng cao năng suất, chất lượng - áp dụng cho nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ lập dự toán
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
	...						
2	Nội dung công việc 2:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
...							
	Tổng cộng:						

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG (Áp dụng cho nhiệm vụ năng suất, chất lượng khác¹)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU

1. Bối cảnh và sự cần thiết:
2. Mục tiêu cụ thể:
3. Đơn vị chủ trì nhiệm vụ:
4. Đại diện theo pháp luật của đơn vị chủ trì:
5. Tên và số tài khoản ngân hàng:

II. THÔNG TIN CỤ THỂ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Thời gian thực hiện:
3. Năng lực và kinh nghiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ:
- 3.1. Chuyên môn và năng lực, kinh nghiệm triển khai của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp (nếu có):
- 3.2. Chuyên môn và kinh nghiệm của cá nhân thực hiện nhiệm vụ (*cụ thể họ và tên cá nhân tham gia chính, bao gồm cả thuê chuyên gia, thực hiện nhiệm vụ*):

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc thuộc nhiệm vụ
1			
2			
...			

III. NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Nội dung 1:

Nội dung 2:

Nội dung...:

Một số lưu ý:

- Nhiệm vụ/nội dung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: cụ thể số lượng, khối lượng và ngành, lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dự kiến xây dựng.
- Nhiệm vụ/nội dung về nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế: cụ thể nội dung, phạm vi và dự kiến tổ chức ở khu vực và quốc tế dự kiến công nhận, thừa nhận.
- Nhiệm vụ/nội dung về tổ chức hội thảo, đào tạo, tập huấn: cụ thể thành phần và số lượng tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài; báo cáo viên, diễn giả;....

- *Nhiệm vụ/nội dung về thông tin, truyền thông: dự kiến đối tượng chịu sự tác động của các sản phẩm thông tin, truyền thông.*

- *Nhiệm vụ/nội dung về hợp tác quốc tế: cụ thể đối tượng, phạm vi thực hiện.*

IV. PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI:

.....

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng, trong đó:

Kinh phí ngân sách nhà nước: đồng;

Kinh phí đối ứng: đồng.

Dự toán chi tiết theo phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

VI. SẢN PHẨM CỦA NHIỆM VỤ²

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu cần đạt của sản phẩm	Ghi chú
1				
2				
...				

VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ TÁC ĐỘNG, LAN TỎA CỦA KẾT QUẢ/SẢN PHẨM CỦA NHIỆM VỤ:

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Bao gồm các nhiệm vụ về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận; đào tạo, truyền thông, hợp tác quốc tế về năng suất, chất lượng.

² Chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ/nội dung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận; thông tin và truyền thông năng suất, chất lượng.

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Thuyết minh Nhiệm vụ nâng cao năng suất, chất lượng - áp dụng cho nhiệm vụ năng suất, chất lượng khác)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ lập dự toán
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	...						
2	Nội dung công việc 2:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
...							
	Tổng cộng:						

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp chủ trì nhiệm vụ:
(Kèm theo số, ngày của văn bản thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì/doanh nghiệp; mã số thuế)
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện theo pháp luật:
(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại)
4. Năng lực của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp chủ trì:
(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn, khả năng huy động vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo)
5. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức, doanh nghiệp (nếu có):
.....
6. Nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ

6.1. Đội ngũ nhân sự (Năng lực, kinh nghiệm của các thành viên chính, thành viên)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

6.2. Đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

7. Tóm tắt về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tài chính và phương án tổ chức thực hiện khả thi

II. THÔNG TIN NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:
.....
2. Thời gian thực hiện (tháng):
3. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng, trong đó:
 - a) Nguồn ngân sách nhà nước: đồng

b) Nguồn vốn đối ứng: đồng

Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Thuyết minh này.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu của nhiệm vụ

a) Mục tiêu chung:

.....

b) Mục tiêu cụ thể: *(Mục tiêu rõ ràng gắn với chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, địa phương, ngành, lĩnh vực...).*

.....

2. Khả năng đáp ứng các tiêu chí đối với nhiệm vụ: *(Luận giải về việc đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 của Nghị định)*

3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ *(Luận giải sự cần thiết, tính cấp bách phù hợp với định hướng và yêu cầu nêu trong thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nêu rõ những vấn đề cần giải quyết; luận giải việc đặt ra các mục tiêu và nội dung của nhiệm vụ,...)*

.....

4. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Nêu và mô tả chi tiết các nội dung, hoạt động và các số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, kết quả đầu ra cụ thể, bao gồm sản phẩm, dịch vụ, mô hình, cơ sở dữ liệu, chương trình, sự kiện, ấn phẩm hoặc báo cáo có khả năng nhân rộng, áp dụng cho nhiều địa phương, ngành, lĩnh vực khác)*

Nội dung, hoạt động ¹	Kết quả/Sản phẩm ²	Yêu cầu cần đạt của kết quả, sản phẩm
Nội dung 1:		
Hoạt động 1.1:		
Hoạt động 1.2, 1.3...:		
Nội dung 2,3...:		
Hoạt động 2.1:		
Hoạt động 2.2, 2.3...:		

5. Khả năng ứng dụng trực tiếp, tạo ra hiệu quả kinh tế hoặc giải quyết các vấn đề xã hội góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Nêu và mô tả chi tiết các nội dung, nhiệm vụ cần đề xuất các giải pháp phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định, chi tiết các hoạt động và các số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí.

² Kết quả đầu ra cụ thể, bao gồm sản phẩm, dịch vụ, mô hình, cơ sở dữ liệu, chương trình, sự kiện, ấn phẩm, báo cáo,... có khả năng nhân rộng, áp dụng cho nhiều địa phương, ngành, lĩnh vực khác

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ lập dự toán
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
...	...						
2	Nội dung công việc 2:						
	Nội dung chi....						
	Nội dung chi....						
...	...						
	Tổng cộng:						

TÊN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 (Số hiệu văn bản)

, ngày ... tháng ... năm

VĂN BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ).

I. Thông tin về doanh nghiệp, tổ chức

1. Tên doanh nghiệp, tổ chức:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Email: Website:
5. Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức:
7. Tên nhiệm vụ đổi mới sáng tạo:

II. Nội dung cam kết

Doanh nghiệp, tổ chức cam kết:

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.
2. Chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.
3. Thực hiện đúng các cam kết khi nhận tài trợ để thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhiệm vụ về sử dụng kinh phí, tài sản, kết quả, hiệu quả của nhiệm vụ.
4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
5. Phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)